

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 849/2024/DS – ST
Ngày: 25-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Võ Kim Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 989/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1269/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Trụ sở: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Đức T; Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 378/2024/UQ-TGD ngày 05/01/2024)(có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1989; Địa chỉ: A P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/10/2010, bà L ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S hợp đồng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu thập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý ký phê duyệt cấp thẻ tín dụng vào ngày 02/11/2020 với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 828.961.200 đồng.

Quá trình sử dụng, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 777.207.500 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở, nhận thấy bà L không có thiện chí hợp tác nên ngày 6/8/2022 Ngân hàng chấm dứt sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu của bà L sang thành nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 132.658.966 đồng; trong đó nợ gốc là: 68.437.216 đồng; lãi quá hạn là 64.221.750 đồng.

Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày 26/9/2024 đến khi bà L trả dứt nợ theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173, Điều 220, Điều 227, Điều 248, Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án có cơ sở xác định 22/11/2017, bà L ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thực hiện hợp đồng thì bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L thanh toán một lần toàn bộ số nợ còn thiếu là phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Tính theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, yêu cầu bà L thanh toán số nợ còn thiếu của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Hội đồng xét xử nhận định vụ án trên là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

- Đại diện nguyên đơn – ông Trần Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bà L vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 132.658.966 đồng; trong đó nợ gốc là: 68.437.216 đồng; lãi quá hạn là 64.221.750 đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy, Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/10/2020 của bà L và phần phê duyệt của Ngân hàng ngày 02/11/2020 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 388, Điều 389 và Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có giá trị để hai bên thực hiện.

Xét, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã giao dịch với tổng số tiền 828.961.200 đồng chỉ thanh toán được tổng số tiền là 777.207.500 đồng và ngưng không trả cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 132.658.966 đồng; trong đó nợ gốc là: 68.437.216 đồng; lãi quá hạn là 64.221.750 đồng.

Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi bà L thanh toán xong số tiền còn nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và đính kèm quyết định ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam của Ngân hàng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 14, Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu do đó không có cơ sở xem xét.

- Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, do đó việc Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là $132.658.966 \times 5\% = 6.632.948$ đồng.

H lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.774.449 đồng cho của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Nêu 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3; khoản 1 Điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 ; Điều 7; khoản 1 Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/9/2024 của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/10/2020 là 132.658.966 (một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi sáu) đồng; trong đó nợ gốc là: 68.437.216 (sáu mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn hai trăm mười sáu) đồng; lãi quá hạn là 64.221.750 (sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi một ngàn bảy trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày 26/9/2024 lãi suất tiếp tục phát sinh trên số nợ còn thiếu theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/10/2020 có đính kèm quyết định ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam của Ngân hàng mà hai bên đã ký kết cho đến khi bà Nguyễn Thị Ngọc L thanh toán xong khoản nợ.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí là 6.632.948 (sáu triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi tám) đồng.

H lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.774.449 (hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi chín) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007803 ngày 27/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Ngọc L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ ./(Vinh).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hương